

Số: 1789 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 31 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án:
**Xây dựng hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp các cơ quan Đảng
tỉnh Thanh Hóa trên mạng Internet, giai đoạn 2017- 2019**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ, về Quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 06/2011/TT-BTTTT ngày 28/02/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng CNTT;

Căn cứ Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông, về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp các cơ quan Đảng tỉnh Thanh Hóa trên mạng Internet, giai đoạn 2017- 2019;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 65-TTr/VPTU ngày 03/5/2017 của Văn phòng Tỉnh ủy, về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Xây dựng hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp các cơ quan Đảng tỉnh Thanh Hóa trên mạng Internet giai đoạn 2017- 2019 và Báo cáo kết quả thẩm định số 2051/SKHĐT-TĐ ngày 22/5/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư (kèm theo Hồ sơ và kết quả thẩm định thiết kế sơ bộ của Sở Thông tin và Truyền thông tại văn bản số 02/KQTD-STTTT ngày 18/5/2017, ý kiến của Sở Tài chính tại công văn số 1910/STC-QLNS.TTK ngày 15/3/2017),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Xây dựng hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp các cơ quan Đảng tỉnh Thanh Hóa trên mạng Internet, giai đoạn 2017- 2019, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Xây dựng hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp các cơ quan Đảng tỉnh Thanh Hóa trên mạng Internet, giai đoạn 2017- 2019.

2. Chủ đầu tư: Văn phòng Tỉnh ủy Thanh Hóa.

3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Thanh Hóa.

4. Mục tiêu đầu tư: Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng trên địa bàn tỉnh; đưa ứng dụng công nghệ thông tin trở thành hoạt động thường xuyên, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm; đồng thời, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, bảo vệ bí mật của Đảng và Nhà nước; góp phần cải cách thủ tục hành chính trong Đảng, đổi mới phương thức, lề lối làm việc theo hướng hiện đại, phục vụ tốt sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp từ Trung ương đến địa phương.

5. Quy mô, nội dung đầu tư:

- Đầu tư mua sắm các phần mềm quản trị hỗ trợ công thông tin điện tử: Mua bản quyền quản lý các phần mềm hỗ trợ công thông tin điện tử (MS SQL Server 2016, MS Sharepoint 2016); mua sắm thiết bị công nghệ thông tin phục vụ cho việc bảo mật và hoạt động ổn định các hệ thống phần mềm (thiết bị cân bằng tải, thiết bị chống spam thư điện tử, hệ thống SSL).

- Xây dựng công thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh: Công thông tin điện tử, cổng điều hành nội bộ và các trang thông tin của các Ban Đảng.

- Xây dựng hệ thống phần mềm nội bộ trong các cơ quan Đảng: Phần mềm điều hành tác nghiệp, quản lý thông tin trong các cơ quan Đảng; hệ thống quản lý văn kiện Đảng bộ tỉnh; hệ thống thư điện tử công vụ trong các cơ quan Đảng.

(Chi tiết trong hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đã được thẩm định kèm theo Báo cáo số 2051/SKHĐT-TĐ ngày 22/5/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư).

6. Địa điểm đầu tư: Tại cơ quan Tỉnh ủy; các huyện, thị, thành ủy; các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các Đảng ủy xã, phường, thị trấn trong tỉnh.

7. Thiết kế sơ bộ: Theo kết quả thẩm định thiết kế sơ bộ của Sở Thông tin và Truyền thông tại văn bản số 02/KQTD-STTTT ngày 18/5/2017.

8. Tổng mức đầu tư: 10.224 triệu đồng (Mười tỷ, hai trăm hai mươi bốn triệu đồng). Trong đó:

- Chi phí thiết bị:	8.952 triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	219 triệu đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư:	698 triệu đồng;
- Chi phí khác:	57 triệu đồng;
- Chi phí dự phòng:	298 triệu đồng.

(Có phụ biểu chi tiết tổng mức đầu tư theo phụ lục đính kèm).

9. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

10. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

11. Thời gian thực hiện dự án: 03 năm (2017 - 2019).

Điều 2.

1. Trên cơ sở nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Văn phòng Tỉnh ủy (Chủ đầu tư) có trách nhiệm triển khai tổ chức thực hiện đầu tư theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa và các ngành, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tạo điều kiện để Văn phòng Tỉnh ủy triển khai thực hiện, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

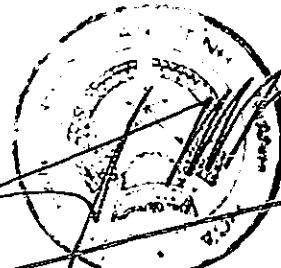
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- CTUBND tỉnh (để BC);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



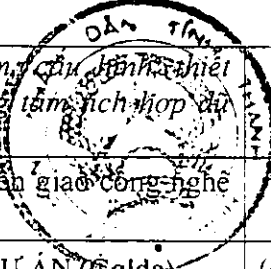
Ngô Văn Tuấn

CHI TIẾT TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án: Xây dựng hệ thống, thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan Đảng tỉnh Thanh Hóa trên mạng Internet, giai đoạn 2017-2019
(Kèm theo Quyết định số: ~~1789~~ /QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chi phí	Cách tính	Thành tiền
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (G)		10.224,0
1	CHI PHÍ THIẾT BỊ (Gtb)	Gtb = Gpc+Gpm	8.952,0
1	<i>Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: mua sắm phần mềm quản trị hỗ trợ công thông tin điện tử</i>	<i>Gpc</i>	<i>558,3</i>
a	Phần mềm bản quyền: MS SQL Server 2016, MS Sharepoint 2016		365,3
b	Thiết bị công nghệ thông tin phục vụ cho việc bảo mật và hoạt động ổn định các hệ thống phần mềm		193,0
2	<i>Phần mềm, cơ sở dữ liệu</i>	<i>Gpm</i>	<i>8.393,3</i>
a	Xây dựng công thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh (bao gồm công thông tin điện tử, công điều hành nội bộ và các trang thông tin của các Ban Đảng):		3.748,7
-	<i>Triển khai xây dựng công thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh (bao gồm công thông tin điện tử, công điều hành nội bộ và các trang thông tin của các Ban Đảng)</i>		<i>3.648,7</i>
-	<i>Khởi tạo dữ liệu ban đầu</i>		<i>100,0</i>
b	Xây dựng phần mềm điều hành tác nghiệp, quản lý thông tin trong các cơ quan Đảng:		2.653,5
-	<i>Triển khai xây dựng phần mềm điều hành tác nghiệp, quản lý thông tin trong các cơ quan Đảng</i>		<i>2.519,0</i>
-	<i>Khởi tạo dữ liệu ban đầu</i>		<i>134,5</i>
c	Xây dựng hệ thống quản lý văn kiện Đảng bộ tỉnh:		821,9
-	<i>Triển khai xây dựng hệ thống quản lý văn kiện Đảng bộ tỉnh</i>		<i>726,8</i>
-	<i>Khởi tạo dữ liệu ban đầu</i>		<i>95,1</i>
d	Xây dựng hệ thống thư điện tử công vụ trong các cơ quan Đảng:		559,5
-	<i>Triển khai xây dựng hệ thống thư điện tử công vụ trong các cơ quan Đảng</i>		<i>511,7</i>



-	Triển khai phần mềm, cài đặt, thiết lập hệ thống tại trung tâm tích hợp dữ liệu		47,8
e	Chi phí đào tạo, chuyển giao công nghệ và hướng dẫn sử dụng		609,7
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN (Gqlda)	$(Gpc*2,644\%+Gpm*2,6972\%)/1,1$	219,0
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ (Gtv)		698,0
1	Chi phí khảo sát lập báo cáo nghiên cứu khả thi	Dự toán	54,5
2	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	$Gpc*0,992\%+Gpm*0,9778\%$	87,6
3	Chi phí thẩm tra tính hiệu quả và khả thi của dự án	$Gpc*0,105\%+Gpm*0,1197\%$	10,6
4	Chi phí lập thiết kế thi công và dự toán	$Gpc*1,499\%+Gpm*3,3395\%$	288,7
5	Chi phí thẩm tra thiết kế	$Gpc*0,870\%+Gpm*0,0902\%$	12,4
6	Chi phí thẩm tra dự toán	$Gpc*0,078\%+Gpm*0,0799\%$	7,1
7	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT	$Gtb*0,2\%$	17,9
8	Chi phí giám sát thi công lắp đặt thiết bị	$Gpc*0,718\%+Gpm*2,0412\%$	175,3
9	Chi phí giám sát, đánh giá dự án đầu tư	$Gqlda*20\%$	43,8
IV	CHI PHÍ KHÁC (Gk)		57,0
1	Lệ phí thẩm định dự án	$G*0,019\%$	2,0
2	Chi phí thẩm định HSMT, KQLCNT	$Gtb*0,1\%$	9,0
3	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án	$G*0,649\%*70\%$	46,1
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG (Gdp)	$(I+II+III+IV)*3\%$	298,0